

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/DS-ST
Ngày: 10-9-2020
V/v Tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Sơn.
2. Bà Ngô Thị Út Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng L**, sinh năm 1980. (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Bé H**, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Lê Hồng D**, sinh năm 1968. (vắng mặt)

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1955. (có đơn xin vắng mặt)

- Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1964. (có đơn xin vắng mặt)

- Bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1971. (có đơn xin vắng mặt)

- Ông **Nguyễn Văn Bé B1**, sinh năm 1979. (có đơn xin vắng mặt)

- Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1953. (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Ông **Nguyễn Hồng N**, sinh năm 1978. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực E, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày:***

Bà có tham gia hội do bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D làm chủ hội, cụ thể:

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/8/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần. Bà tham gia 01 phần, đã góp được 16 lần x 1.000.000 đồng/lần = 16.000.000 đồng.

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 30/9/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần. Bà tham gia 02 phần, đã góp được 15 lần x 2.000.000 đồng/lần = 30.000.000 đồng.

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/12/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần. Bà tham gia 01 phần, đã góp được 12 lần x 1.000.000 đồng/lần = 12.000.000 đồng.

Tổng số tiền hội bà đã đóng cho bà H, ông D là 58.000.000 đồng. Bà chưa hót 03 dây hội trên thì bà H tuyên bố bế hội và không trả lại số tiền hội mà bà đã đóng. Do đó, nay bà yêu cầu bà H và ông D trả lại cho bà số tiền hội là 58.000.000 đồng (*Năm mươi tám triệu đồng*).

**** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lê Hồng D trình bày:***

Ông và bà Nguyễn Thị Bé H là vợ chồng, cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu vực 12, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Bà H có làm chủ hội khoảng 10 năm nay, đến khoảng tháng 9 năm 2019 thì bế hội. Do kinh tế gia đình quá khó khăn không có khả năng trả tiền hội cho các hội viên nên đến tháng 10/2019, ông và bà H đi đến tỉnh Bình Dương tìm việc làm.

Khi bà Bé H làm chủ hội, bà Nguyễn Thị Hồng L có tham gia chơi hội nhưng ông không biết bà L tham gia bao nhiêu chân hội. Ông thừa nhận bà H có nợ tiền hội của bà L nhưng hiện nay ông chưa xác định được số tiền hội bà H nợ bà L là bao nhiêu. Do bận đi làm nên bà H không đến Tòa án được, ông và bà H sẽ tính toán lại số hội để xác định số tiền hội còn nợ bà L.

Mặc dù việc tổ chức hội là do bà H tự làm, ông không có tham gia nhưng do là vợ chồng nên ông đồng ý cùng bà H chịu trách nhiệm trả lại cho bà L số tiền hội thực tế bà L đã đóng, yêu cầu bà L không tính tiền lãi.

**** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Bà và bà Nguyễn Thị Hồng L có quen biết nhau vì cùng tham gia hội do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hội. Bà và bà L cùng tham gia chung 01 dây hội 1.000.000 đồng, khai ngày 30/9/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần. Bà tham gia 01 phần và đã góp được 15.000.000 đồng. Bà chỉ biết có tham gia chơi hội với bà L dây hội này và cả hai đều chưa hót hội, còn bà L tham gia mấy phần, đã đóng bao nhiêu lần thì bà không biết.

Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên bà yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

*** *Tại Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị M trình bày:***

Bà và bà Nguyễn Thị Hồng L có chơi hội chung dây hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 30/9/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần. Bà Tham gia 01 phần hội.

Do bận công việc nên bà yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa cho đến khi kết thúc vụ kiện.

*** *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị L1 trình bày:***

Bà và bà Nguyễn Thị Hồng L có quen biết nhau vì cùng tham gia chung 02 dây hội do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hội, cụ thể:

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 30/9/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần. Bà tham gia 03 phần, bà đã đóng mỗi phần 15 lần và đã hốt xong 02 phần, còn 01 phần hội sống.

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/8/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần. Bà tham gia 01 phần hội và đã hốt hội xong.

Việc bà L tham gia mấy phần hội, đã góp bao nhiêu tiền và đã hốt hội chưa thì bà không biết. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên bà yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

*** *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Văn Bé B1 trình bày:***

Ông và bà Nguyễn Thị Hồng L có quen biết nhau vì cùng tham gia hội do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hội. Ông và bà L có tham gia chung 01 dây hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/8/2017 (âm lịch), gồm có 16 phần. Ông tham gia 01 phần hội, bà L cũng tham gia 01 phần hội. Ông đã góp được số tiền 16.000.000 đồng, chưa hốt hội. Còn bà L góp được bao nhiêu tiền và hốt hội chưa thì ông không biết.

Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên ông yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

*** *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Thành Nhân trình bày:***

Ông và bà Nguyễn Thị Hồng L có quen biết nhau vì cùng tham gia hội do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hội. Ông và bà L có tham gia chung 01 dây hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/8/2017 (âm lịch), gồm có 16 phần. Ông tham gia 02 phần, còn bà L thì tham gia 01 phần. Ông đã góp được số tiền

14.000.000 đồng/phần, ông đã hót được 1 phần, còn lại 01 phần chưa hót, bà H còn nợ ông số tiền 13.500.000 đồng. Còn bà L góp được bao nhiêu tiền và hót hụi chưa thì ông không biết.

Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên ông yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

*** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị B trình bày:**

Bà và bà Nguyễn Thị Hồng L có quen biết nhau vì cùng tham gia hụi do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hụi. Bà và bà L có tham gia chung 01 dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/12/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần. Bà tham gia 01 phần. Bà đã góp được số tiền 12.000.000 đồng, chưa hót hụi. Bà chỉ biết có chung với bà L dây hụi này, bà và bà L đều chưa hót hụi. Còn việc bà L tham gia mấy phần và đã góp được bao nhiêu tiền thì bà không biết.

Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên bà yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L có thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà L yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D cùng chịu trách nhiệm trả cho bà số tiền hụi là 54.100.000 đồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng D vắng mặt không có lý do; bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn Bé B1, ông Nguyễn Thành Nhân và bà Nguyễn Thị B có đơn xin vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hụi”, xác định tư cách đương sự và tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định.

+ Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà L, ông D, bà T, bà M, bà L1, ông B1, ông N và bà B cùng xác định bà H có làm chủ hội, quá trình làm hội có phát sinh tranh chấp nên bà L khởi kiện, do đó quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hội*”. Đây là tranh chấp dân sự giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 và Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do; bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn Bé B1, ông Nguyễn Thành Nhân và bà Nguyễn Thị B có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Từ năm 2017 đến năm 2018, bà H có làm chủ hội nhiều dây hội, bà L có tham gia 03 dây hội:

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/8/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần. Hội viên gồm có bà L, bà L1, ông B1, ông N và một số người khác không rõ họ tên và địa chỉ. Bà L tham gia 01 phần và đã góp được 16 lần, ông B1 đã góp được 16.000.000 đồng, ông N tham gia 02 phần hội, bà L1 tham gia 01 phần hội. Bà L, ông B1 chưa hót hội; bà L1 đã hót hội xong; ông N đã hót 02 phần hội nhưng chưa nhận đủ tiền hội. Dây hội này đã mãn, bà L hót chót phần hội này sẽ được số tiền 16.000.000 đồng, bà L tự nguyện trừ tiền huê hồng cho chủ hội – bà H với số tiền 500.000 đồng. Sau khi trừ tiền huê hồng thì tiền hội còn lại là 15.500.000 đồng.

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 30/9/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần. Hội viên gồm có bà L, bà T, bà M, bà L1 và một số người khác không rõ họ tên và địa chỉ. Bà L tham gia 02 phần và đã góp được 15 lần/phần; bà T đã góp được 15.000.000 đồng, bà M tham gia 01 phần, bà L1 tham gia 03 phần. Bà L, bà T chưa hót hội; bà L1 đã hót 02 phần, còn lại 01 phần chưa hót; không rõ bà M đã góp được bao nhiêu tiền và đã hót hội chưa. Dây hội này đã mãn, bà L hót chót 02 phần hội sẽ được số tiền 30.000.000 đồng, bà L tự nguyện trừ tiền huê hồng cho chủ hội – bà H với số tiền 500.000 đồng/phần x 2 phần là 1.000.000 đồng. Sau khi trừ tiền huê hồng thì tiền hội còn lại là 29.000.000 đồng.

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/12/2017 (Âl), gồm có 17 phần, hội viên gồm có bà L, bà B và một số người khác không rõ họ tên và địa chỉ. Bà L tham gia 01 phần và đã góp được 12 lần, trung bình mỗi lần góp khoảng 800.000 đồng, tổng số tiền bà L đã góp là 9.600.000 đồng; bà B đã góp được số tiền 12.000.000 đồng. Bà L và bà B đều chưa hót hội.

Nay bà L yêu cầu bà H, ông D trả số tiền hội là 54.100.000 đồng. Bà T, bà M, bà L1, ông B1, ông N và bà B không có yêu cầu trong vụ án này.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, bà L yêu cầu bà H, ông D trả cho bà số tiền 58.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà L có thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà L chỉ yêu cầu bà H, ông D trả số tiền hui là 54.100.000 đồng. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, có quyền chấm dứt hoặc thay đổi yêu cầu của mình. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi đơn khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn có cung cấp 03 tờ giấy hui viết tay thể hiện các dây hui ngày 15/8/2017, ngày 30/9/2017 và ngày 20/12/2017 (cùng tính theo ngày âm lịch). Theo bà L thì đây là các giấy hui do bà H tự ghi và đưa cho bà L và các hui viên. Bà chỉ biết có chơi hui cùng với bà T, bà M, bà L1, ông B1, ông N và bà B, còn lại tên của những người khác trong giấy hui thì bà không biết. Trong quá trình tham gia hui, bà H không cho các hui viên biết cụ thể những ai đã hót hui, do tin tưởng nên bà vẫn góp hui đầy đủ cho bà H, đến khi bế hui thì bà mới biết có một số dây hui mặc dù đã mãn nhưng vẫn còn nhiều người chưa được hót hui.

Bà T, bà M, bà L1, ông B1, ông N và bà B đều thừa nhận thừa nhận các dây hui trên là có thật. Ông D thừa nhận việc bà H có nợ tiền hui của bà L nhưng không xác định được cụ thể bao nhiêu tiền. Do bà H và ông D đã vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không đưa ra ý kiến phản bác đối với chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của bà L nên Hội đồng xét xử xem xét đối chiếu lời khai của các đương sự cùng với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, từ đó đã có cơ sở để xác định tổng số tiền hui bà H còn nợ bà L đối với 03 dây hui ngày 15/8/2017, ngày 30/9/2017 và ngày 20/12/2017 (ngày âm lịch) là 54.100.000 đồng.

Đối với ông D là chồng của bà H, mặc dù không trực tiếp tổ chức các dây hui trên nhưng theo bà L thì ông D là người thu tiền hui của bà góp cho bà H; đồng thời, ông D cũng tự nguyện cùng bà H trả số tiền hui mà bà H còn nợ bà L. Do đó, cần buộc ông D liên đới chịu trách nhiệm cùng bà H trả cho bà L số tiền 54.100.000 đồng là phù hợp quy định điều 27 Luật Hôn nhân gia đình.

Đối với bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn Bé B1, ông Nguyễn Thành Nhân và bà Nguyễn Thị B có tham gia một số dây hui cùng với bà L nhưng các đương sự không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên ông D, bà H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Bà L được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 357, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng L đối với bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D.

Buộc bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền 54.100.000 đồng (*Năm mươi bốn triệu một trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D phải nộp số tiền 2.705.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng*).

- Bà Nguyễn Thị Hồng L được nhận lại số tiền 1.450.000 đồng (*Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 010779 ngày 16/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Bùi Trần Thanh Thế

